

Số: 01/2022/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn
tỉnh Thừa Thiên Huế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Xét Tờ trình số 635/TTr-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 3 thông qua ngày 25 tháng 01 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và TP. Huế;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

*(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 01 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ; trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy định này được áp dụng đối với các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Luật Đầu tư năm 2020 và Điều 19 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh theo Quy định này.

3. Chính sách hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết này không áp dụng đối với các dự án đầu tư quy định tại Khoản 5 Điều 15 Luật Đầu tư.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc hỗ trợ đầu tư theo các khoản 2,3,4,5,6,7,8 Điều 4 quy định này được thực hiện sau khi dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động theo đúng nội dung, tiến độ được phê duyệt tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và văn bản khác có giá trị tương đương.

2. Trường hợp dự án đáp ứng điều kiện được hưởng cùng nội dung hỗ trợ đầu tư tại nhiều quy định khác nhau của tỉnh thì được áp dụng mức hỗ trợ đầu tư cao nhất.

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 3. Hỗ trợ các công trình kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào

1. Nhà nước đầu tư xây dựng công trình giao thông, thoát nước kết nối từ địa điểm dự án đến tuyến đường, hệ thống thoát nước chính sẵn có bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo Luật Đầu tư công phù hợp với quy hoạch được

duyệt, quy mô đầu tư đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ dự án của nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Công trình kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào do nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công. Ưu tiên cho hạ tầng khung khu kinh tế, hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, cụm công nghiệp và làng nghề, các dự án ứng dụng công nghệ cao, các dự án đầu tư khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp, các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

Điều 4. Hỗ trợ các công trình kết cấu hạ tầng trong hàng rào

1. Hỗ trợ một phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, cụm công nghiệp (do tổ chức đơn vị sự nghiệp nhà nước đang quản lý và tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng), khu nhà ở xã hội cụ thể như sau:

a) Nhà nước tổ chức đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung phù hợp quy hoạch trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định Luật Đầu tư công.

b) Nhà nước tổ chức đầu tư xây dựng các trục đường chính và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo phù hợp quy hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công cho các khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Nhà nước tổ chức đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp (do tổ chức đơn vị sự nghiệp nhà nước đang được giao nhiệm vụ quản lý và đầu tư xây dựng hạ tầng) phù hợp quy hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công.

d) Nhà nước tổ chức đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào dự án nhà ở xã hội chỉ để cho thuê phù hợp quy hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

a) Nhà đầu tư được lựa chọn chính sách hỗ trợ như sau: Hỗ trợ 20% chi phí xây lắp và thiết bị hoặc 20 triệu đồng/m³ công suất xử lý ngày đêm cho dự án xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn cột A Quy chuẩn Việt Nam 40:2011/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường nhưng tối đa không quá 20 tỷ đồng cho một dự án.

b) Nhà đầu tư được lựa chọn chính sách hỗ trợ như sau: Hỗ trợ 30% chi phí xây lắp và thiết bị hoặc 30 triệu đồng/m³ công suất xử lý ngày đêm phần hệ thống xử lý nước hóa hơi hoặc tuần hoàn và không xả thải ra môi trường đối với dự án xử lý nước thải tập trung áp dụng công nghệ xử lý nước thải tuần hoàn, không xả thải ra môi trường, nhưng tối đa không quá 50 tỷ đồng cho một dự án.

3. Các dự án đầu tư sản xuất có công trình xử lý nước thải sử dụng công nghệ tái sử dụng nguồn nước thải tuần hoàn và không xả nước thải ra môi trường:

Nhà đầu tư được lựa chọn chính sách hỗ trợ như sau: Hỗ trợ 30% chi phí xây lắp và thiết bị hoặc 30 triệu đồng/m³ công suất xử lý ngày đêm phần hệ thống xử lý nước hóa hơi hoặc tuần hoàn và không xả thải ra môi trường, nhưng tối đa không quá 50 tỷ đồng cho một dự án.

4. Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp (có nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng):

a) Các cụm công nghiệp được thành lập theo quy định ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Nam Đông và huyện A Lưới): Hỗ trợ 50 % chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật (san lấp mặt bằng, giao thông, cấp thoát nước, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống điện); không quá tổng mức hỗ trợ theo định mức hỗ trợ 2 tỷ đồng/ha và tối đa không quá 20 tỷ đồng cho một dự án.

b) Các cụm công nghiệp được thành lập theo quy định ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (thị xã Hương Trà, các huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang): Hỗ trợ 30% chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật (san lấp mặt bằng, giao thông, cấp thoát nước, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống điện); không quá tổng mức hỗ trợ theo định mức hỗ trợ 1 tỷ đồng/ha và tối đa không quá 30 tỷ đồng cho một dự án.

5. Các dự án đầu tư cải thiện môi trường: Sản xuất kinh doanh sản phẩm thân thiện môi trường thay thế sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần, túi ni lông khó phân hủy; xử lý chất thải rắn sử dụng công nghệ hiện đại, giảm thiểu tối đa tỷ lệ chôn lấp và có tỷ lệ chôn lấp tổng các loại chất thải sau xử lý nhỏ hơn 7%, không phát sinh nguồn ô nhiễm thứ cấp, có công suất xử lý từ 50 tấn/ngày đêm trở lên được hỗ trợ 30% chi phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (san lấp mặt bằng, đường nội bộ; cấp thoát nước và hệ thống điện nội bộ ngoài nhà) và tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng cho một dự án.

6. Các dự án đầu tư khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án đầu tư được hỗ trợ 30% chi phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (san lấp mặt bằng, đường nội bộ; cấp

thoát nước, hệ thống điện nội bộ ngoài nhà) và tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng cho một dự án.

7. Các dự án đầu tư dự án Nhà ở xã hội (ngoại trừ trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên quỹ đất 20% thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị đó và dự án nhà ở xã hội chỉ để cho thuê) được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án đầu tư được hỗ trợ 30% chi phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (san lấp mặt bằng, đường nội bộ; cấp thoát nước, hệ thống điện nội bộ ngoài nhà) và tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng cho một dự án.

8. Các dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ngoài các dự án tại khoản 2,3,4,5,6,7 Điều này có tổng vốn đầu tư từ 800 tỷ đồng trở lên được ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% chi phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (san lấp mặt bằng, đường nội bộ, cấp thoát nước, hệ thống điện nội bộ ngoài nhà) và tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng cho một dự án.

Điều 5. Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh

1. Ưu tiên Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện được ứng vốn Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất ở khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, cụm công nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất và cho thuê đất theo quy định Luật Đất đai.

2. Nhà nước tổ chức rà phá bom mìn, vật nổ từ ngân sách nhà nước theo Luật đầu tư công cho các dự án sau:

a) Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung, cụm công nghiệp.

b) Các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh và dịch vụ tại các khu công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung, cụm công nghiệp nhưng chưa có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng.

c) Dự án xây dựng nhà ở cho người lao động khu công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung, cụm công nghiệp.

Điều 6. Hỗ trợ phát triển thị trường

1. Các nhà đầu tư có dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung được hỗ trợ chi phí đi lại tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh, cụ thể như sau:

- Không quá 50 triệu đồng/lượt/doanh nghiệp.

- Mỗi doanh nghiệp không quá 01 lượt/năm và 04 lượt trong suốt quá trình hoạt động tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Nguồn hỗ trợ được cấp từ nguồn sự nghiệp xúc tiến đầu tư hàng năm của Tỉnh cho các đơn vị sự nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ tổ chức xúc tiến đầu tư ở nước ngoài chi trả theo quy định.

Chương III

NGUỒN VỐN, ĐIỀU KIỆN, HÌNH THỨC VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ

Điều 7. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Các chính sách hỗ trợ đầu tư tại Điều 3; Khoản 1 Điều 4; Khoản 2 Điều 5 quy định này sử dụng vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển và thực hiện theo Luật Đầu tư công.

2. Các chính sách hỗ trợ đầu tư sau đầu tư tại Khoản 2,3,4,5,6,7,8 Điều 4 quy định này sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển hỗ trợ chính sách theo dự toán chi hàng năm phù hợp quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Chính sách hỗ trợ phát triển thị trường tại Điều 6 quy định này sử dụng vốn ngân sách tỉnh từ nguồn vốn sự nghiệp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ tổ chức xúc tiến đầu tư ở nước ngoài.

Điều 8. Điều kiện hỗ trợ

1. Dự án đầu tư được nhà đầu tư hoàn thành sau thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết này, đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật, đúng nội dung và tiến độ đã cam kết.

2. Trường hợp dự án có lý do chính đáng về việc triển khai chậm tiến độ đã cam kết, nhà đầu tư phải báo cáo giải trình, cam kết lại tiến độ thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét việc gia hạn tiến độ theo quy định Luật Đầu tư.

3. Nhà đầu tư thực hiện theo đúng trách nhiệm của nhà đầu tư tại Điều 12 quy định này.

Điều 9. Hình thức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 1 lần cho một dự án, trường hợp dự án phân chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép thì được hỗ trợ theo từng giai đoạn hoàn thành, tổng mức hỗ trợ cho tất cả giai đoạn đầu tư đảm bảo theo định mức trong quy định này.

2. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư khi dự án đầu tư hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng, sản xuất và kinh doanh, đáp ứng điều kiện tại Điều 8 quy định này.

Điều 10. Trình tự và thủ tục thực hiện hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Bản đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 1 Phụ lục kèm theo);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh cá thể;
- Bản sao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Dự án đầu tư do nhà đầu tư lập;
- Hồ sơ thiết kế, dự toán được nhà đầu tư phê duyệt;
- Hồ sơ hoàn thành dự án, gồm: Báo cáo quyết toán hoàn thành dự án đầu tư; Bản vẽ hoàn công, dự toán hoàn thành;
- Bản sao các văn bản về điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy định hiện hành (nếu có);
- Chứng từ, hóa đơn tài chính hợp pháp.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

Nhà đầu tư gửi hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này đến cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ tiến hành tổ chức lập biên bản kiểm tra đủ điều kiện hỗ trợ (theo mẫu số 4 phụ lục kèm theo), phối hợp với các sở chuyên ngành xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 2 phụ lục kèm theo) trình cơ quan có thẩm quyền xem xét Quyết định hỗ trợ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền quyết định ban hành Quyết định hỗ trợ (theo mẫu số 3 phụ lục kèm theo). Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

3. Thủ tục cấp phát kinh phí hỗ trợ

Khi nhà đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết định hỗ trợ đầu tư và quyết định phân bổ vốn theo quy định về phân cấp ngân sách, sở Tài chính chuyên kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho nhà đầu tư theo nội dung hỗ trợ đã phê duyệt.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ đầu tư; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tăng cường tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết này đến các đối tượng thụ hưởng. Định kỳ 06 tháng báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Quy định này.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, giám sát kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ theo quy định này và phù hợp với các quy định hiện hành về kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công tổ chức triển khai thực hiện Quy định.

4. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công thực hiện.

Điều 12. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Cung cấp thông tin về tình hình thực hiện dự án, nội dung đề nghị hỗ trợ kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3. Thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy mô và tiến độ đã cam kết, được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận hoặc đã được gia hạn theo quy định của Luật Đầu tư.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư đã được hỗ trợ đầu tư theo các chính sách trước đây của tỉnh thì nhà đầu tư tiếp tục được hưởng cho phần hỗ trợ còn lại (nếu có) theo chính sách trước đây của tỉnh.

2. Các dự án hoàn thành sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực, đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư theo các chính sách trước đây của tỉnh thì nhà đầu tư được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này./.

PHỤ LỤC

CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Mẫu số 01	Đề nghị hỗ trợ đầu tư
Mẫu số 02	Tờ trình thẩm định hỗ trợ đầu tư
Mẫu số 03	Quyết định hỗ trợ đầu tư
Mẫu số 04	Biên bản kiểm tra đủ điều kiện hỗ trợ

<TÊN NHÀ ĐẦU TƯ>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., Ngày..... Tháng..... năm

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Kính gửi:

- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế;

(Tên nhà đầu tư)..... ;

Loại hình tổ chức: ;

Ngành nghề kinhdoanh:..... ;

Trụ sở chính:.....;

Điện thoại:;Fax..... ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư sốdo cấp ngàythángnăm

I. ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN VỚI NỘI DUNG SAU:

1. Tên Dự án:..... ;
2. Lĩnh vực đầu tư: ;
3. Địa điểm thực hiện Dự án: ;
4. Mục tiêu và quy mô của dự án: ;
5. Tổng vốn đầu tư của Dự án: ;
6. Diện tích đất dự kiến sử dụng: ;
7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm: ;

8. Tiến độ thực hiện Dự án theo cam kết:;

II. KIẾN NGHỊ HUỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (theo Nghị Quyết số .../2022/HĐND-NQ ngày... tháng... năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế):

1. Căn cứ hỗ trợ
2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ
3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng hạng mục	Tổng giá trị hạng mục công trình (tr.đồng)	Giá trị đề nghị hỗ trợ (tr.đồng)	Ghi chú
1						
2						
3						

III. CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN KIẾN NGHỊ HUỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:

.....
.....

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

Hồ sơ kèm theo:.....

....., ngày ... tháng ... năm
Chức danh người đại diện nhà đầu tư
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
<Tên cơ quan có thẩm quyền> **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:

....., Ngày..... Tháng..... năm

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định hỗ trợ đầu tư dự án

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số... ngày... tháng... năm..... của doanh nghiệp...(tên doanh nghiệp) đề nghị hỗ trợ đầu tư dự án(Tên dự án) và hồ sơ dự án kèm theo;

<Tên cơ quan có thẩm quyền> báo cáo kết quả thẩm định hỗ trợ đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với nhà đầu tư.... (tên nhà đầu tư) đầu tư vào Dự án...(Tên dự án) theo quy định tại Nghị quyết số .../2022/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Bản đề nghị số
2. Báo cáo dự án đầu tư
3. Biên bản kiểm tra thực tế:
4. Ý kiến của các cơ quan liên quan:
5. Thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền :
6. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Lĩnh vực đầu tư:
3. Mục tiêu và quy mô dự án: (Mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng)
4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: (theo quy định của Luật đầu tư)
5. Cấp quyết định đầu tư dự án: (Tên nhà đầu tư)
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Tổng mức đầu tư dự án:(Trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn vốn doanh nghiệp huy động)
8. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:
9. Thời gian thực hiện:
10. Các thông tin khác (nếu có):

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

IV. Ý KIẾN THẨM TRA, THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ

1. Nội dung Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng:
- Quy mô hạng mục hỗ trợ :
- Mức hỗ trợ:
- Thời gian hỗ trợ:

2. Nội dung thẩm định hỗ trợ vốn đầu tư:

a) Về Đáp ứng điều kiện hỗ trợ vốn đầu tư (*ý kiến thẩm định làm rõ sự phù hợp của dự án đối với nguồn vốn đầu tư, có đúng mục đích, đối tượng được hỗ trợ đầu tư hay không; dự án thuộc ngành, lĩnh vực, đối tượng chính sách đủ điều kiện được bố trí vốn*);

b) Về nhu cầu vốn (*ý kiến thẩm định cần làm rõ khả năng bố trí vốn cho dự án*);

c) Mức vốn đề nghị hỗ trợ đầu tư cho dự án (*tổng vốn hỗ trợ và thời gian bố trí vốn*)

d) Hồ sơ dự án : Đánh giá sự phù hợp của hồ sơ kèm theo

3. Ý kiến khác:

4. Yêu cầu đối với nhà đầu tư.

V. KẾT LUẬN

Trên đây là ý kiến thẩm định hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp..... thực hiện Dự án....., kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan tham gia thẩm tra;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

TM. <TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN>

GIÁM ĐỐC

(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ đầu tư cho dự án

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số ... /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về một số quy định thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị hỗ trợ đầu tư của (tên doanh nghiệp);

Xét Tờ trình số ngày tháng năm của < cơ quan có thẩm quyền > về việc

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Hỗ trợ đầu tư cho:

(Tên nhà đầu tư)

Loại hình tổ chức:

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số do

..... cấp ngày tháng năm

Khi thực hiện dự án đầu tư:

- Tên Dự án:

- Lĩnh vực đầu tư:
- Địa điểm thực hiện:
- Mục tiêu và quy mô của Dự án
- Tổng số vốn đầu tư của Dự án:
- Diện tích đất dự kiến sử dụng:
- Thời hạn hoạt động của Dự án:

Điều 2. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các khoản hỗ trợ sau:

(Chỉ ghi các hỗ trợ đầu tư được hưởng)

TT	Nội dung/ hạng mục công trình	Quy mô công trình	Mức vốn hỗ trợ	Thời gian dự kiến hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1					
2					
...					
	Tổng cộng:				

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành..., Nhà đầu tư (*tên doanh nghiệp*), các cơ quan đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Quyết định hỗ trợ đầu tư này được cấp cho doanh nghiệp 02 bản chính, các cơ quan liên quan mỗi cơ quan giữ 01 bản./.

Nơi nhận:

-Như Điều 3;

-.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH

(ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , Ngày..... Tháng..... năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Dự án (hạng mục công trình):

2. Địa điểm xây dựng:

3. Thành phần tham gia Kiểm tra:

a) Phía Hội đồng kiểm tra (Ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan tham gia)

b) Phía nhà đầu tư: (Tên nhà đầu tư)

Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục dự án:

c) Nhà thầu thực hiện

Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và cán bộ phụ trách thi công dự án, hạng mục dự án:

4. Thời gian tiến hành kiểm tra:

Bắt đầu: ngày tháng năm ...

Kết thúc: ngày tháng năm ...

Tại:.....

5. Đánh giá dự án, hạng mục dự án:

a) Tài liệu làm căn cứ để kiểm tra:

.....

b) Quy mô, chất lượng dự án, hạng mục dự án;

c) Các ý kiến khác nếu có

6. Kết luận:

- Hội đồng xác định nhà đầu tư đã hoàn thành công trình, hạng mục.....đáp ứng đủ điều kiện/hoặc không đủ điều kiện và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước/hoặc không được hỗ trợ.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).

Các bên trực tiếp kiểm tra thống nhất về nội dung kiểm tra và đồng ký xác nhận./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở: TC, KH&ĐT,....;
- Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh;
- <Tên nhà đầu tư nhận hỗ trợ>;
- <Tên Nhà thầu thi công>;
- Thành viên Hội đồng kiểm tra;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: ...

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền chủ trì kiểm tra)

<TÊN NHÀ ĐẦU TƯ>

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)